

KẾ HOẠCH

Phát triển nuôi trồng thủy sản hồ chứa tỉnh Gia Lai giai đoạn 2026-2030, định hướng đến năm 2050

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2026 của UBND tỉnh Gia Lai)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

a) Cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ của Đề án phát triển thủy sản bền vững tỉnh Gia Lai giai đoạn 2026-2030, định hướng đến năm 2050 đối với lĩnh vực nuôi trồng thủy sản hồ chứa.

b) Thu hút doanh nghiệp, hợp tác xã và các thành phần kinh tế tham gia đầu tư phát triển nuôi cá lồng bè quy mô công nghiệp; từng bước hình thành chuỗi giá trị từ sản xuất giống, nuôi thương phẩm, chế biến đến tiêu thụ sản phẩm.

2. Yêu cầu

a) Bám sát các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp của Đề án phát triển thủy sản bền vững tỉnh Gia Lai giai đoạn 2026-2030, định hướng đến năm 2050; phù hợp với điều kiện thực tế và tiềm năng phát triển nuôi trồng thủy sản hồ chứa trên địa bàn tỉnh.

b) Xác định rõ nhiệm vụ, lộ trình thực hiện và trách nhiệm của các sở, ngành, địa phương, đơn vị quản lý hồ chứa và các tổ chức, cá nhân có liên quan; bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ trong quá trình triển khai thực hiện.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Phát triển nuôi trồng thủy sản hồ chứa trở thành lĩnh vực sản xuất hàng hóa trụ cột theo hướng hiện đại, hiệu quả và bền vững; ứng dụng khoa học công nghệ và chuyển đổi số; nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị gia tăng và khả năng cạnh tranh của sản phẩm; sử dụng hiệu quả tài nguyên mặt nước hồ chứa, thích ứng với biến đổi khí hậu, góp phần phát triển kinh tế - xã hội và nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống của người dân.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Đến năm 2030

- Phát triển nuôi trồng thủy sản hồ chứa theo hướng sản xuất hàng hóa, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, bảo đảm phù hợp với sức tải môi trường và chức năng đa mục tiêu của hồ chứa.

- Mở rộng quy mô nuôi cá lồng bè, hình thành các vùng nuôi tập trung tại

các hồ chứa có tiềm năng; phấn đấu đến năm 2030 đạt khoảng 3.800 lồng nuôi, tổng thể tích 500.000 m³, bố trí trên 150 ha mặt nước và sản lượng 16.000 tấn/năm.

- Duy trì và phát triển nuôi quảng canh, quảng canh cải tiến trên các hồ chứa phù hợp, gắn phát triển sản xuất với bảo vệ môi trường, bảo tồn và tái tạo nguồn lợi thủy sản; phấn đấu đến năm 2030 diện tích nuôi quảng canh đạt 5.500 ha, sản lượng đạt 1.600 tấn.

- Từng bước hoàn thiện công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động nuôi trồng thủy sản hồ chứa; thực hiện đăng ký nuôi, cấp mã số cơ sở nuôi theo quy định, khuyến khích phát triển các hình thức liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.

b) Đến năm 2050

- Phát triển nuôi trồng thủy sản hồ chứa trở thành lĩnh vực sản xuất thủy sản nước ngọt quan trọng của tỉnh theo hướng hiện đại, ứng dụng rộng rãi công nghệ cao và chuyển đổi số.

- Nâng quy mô nuôi cá lồng bè lên khoảng 6.000 lồng với tổng thể tích khoảng 1.000.000 m³, phấn đấu sản lượng đạt khoảng 30.000 tấn/năm; hình thành các vùng sản xuất tập trung gắn với chế biến, tiêu thụ và du lịch sinh thái.

- Tiếp tục nghiên cứu, thử nghiệm và từng bước nhân rộng mô hình nuôi cá nước lạnh ứng dụng công nghệ cao tại những vùng có điều kiện khí hậu phù hợp, góp phần đa dạng hóa đối tượng nuôi, nâng cao giá trị gia tăng và hiệu quả kinh tế.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Phát triển sản xuất nuôi trồng thủy sản hồ chứa

- Phát triển nuôi trồng thủy sản hồ chứa theo hướng sản xuất hàng hóa, ứng dụng khoa học công nghệ, phù hợp với điều kiện tự nhiên, sức tải môi trường và chức năng đa mục tiêu của từng hồ chứa.

- Tập trung phát triển nuôi cá lồng bè tại các hồ chứa có tiềm năng như Định Bình (xã Vĩnh Thạnh), Ia Ly (xã Ia Ly), Sê San 4 (xã Ia O), An Khê (xã Cửu An),...; phấn đấu đến năm 2030, năng suất nuôi bình quân lên mức 32 kg/m³ với các đối tượng nuôi chủ lực như cá điêu hồng, cá rô phi, cá lăng và các loài thủy sản có giá trị kinh tế.

- Ưu tiên phát triển nuôi thủy sản nước lạnh ứng dụng công nghệ cao tại các hồ Vĩnh Sơn A (xã Vĩnh Sơn), Vĩnh Sơn B (xã Sơn Lang) và Vĩnh Sơn C (xã Đăk Rong) với đối tượng nuôi chủ yếu là cá tầm, cá hồi và các loài thủy sản nước lạnh phù hợp.

- Duy trì và phát triển nuôi quảng canh, quảng canh cải tiến trên khoảng 5.500 ha mặt nước hồ chứa lớn như Ayun Hạ (xã Ia Hnú), Ia Mơr (xã Ia Mơr), Plei Pai (xã Ia Lâu), Ka Nak (xã Kbang), Ia Mlah (xã Phú Túc),... gắn hoạt động nuôi với bảo vệ và tái tạo nguồn lợi thủy sản.

- Tăng cường quản lý chất lượng giống, thức ăn, chế phẩm sinh học và các vật tư đầu vào phục vụ sản xuất; khuyến khích sử dụng thức ăn công nghiệp, giảm dần việc sử dụng thức ăn tươi nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất và bảo vệ môi trường nước.

2. Ứng dụng khoa học công nghệ và phát triển giống

- Đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ và chuyển đổi số nhằm hiện đại hóa nuôi trồng thủy sản trên hồ chứa. Ưu tiên ứng dụng hệ thống công nghệ giám sát, quan trắc môi trường tự động và quản lý nuôi thủy sản lồng bè trên hồ chứa, bao gồm hệ thống quan trắc, cảnh báo các chỉ tiêu môi trường (DO, pH, nhiệt độ, tốc độ dòng chảy), hệ thống camera giám sát, phần mềm quản lý dữ liệu và các giải pháp công nghệ phục vụ quản lý, điều hành sản xuất.

- Ứng dụng công nghệ nuôi các đối tượng thủy sản đặc sản có giá trị kinh tế cao như cá tầm, cá chình, tôm càng xanh, cá lăng nha, cá chép giòn; đầu tư hệ thống cung cấp oxy, thiết bị điều tiết nhiệt độ nước, máy cho ăn thông minh và các thiết bị tích hợp công nghệ IoT, AI nhằm nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả sản xuất. Khuyến khích sử dụng lồng nuôi vật liệu mới (HDPE); triển khai truy xuất nguồn gốc sản phẩm ứng dụng công nghệ Blockchain; đầu tư phần mềm quản lý vùng nuôi và xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu số.

- Xây dựng và triển khai lộ trình ứng dụng công nghệ số trong nuôi lồng bè trên hồ chứa theo 02 giai đoạn: giai đoạn 2026-2027 triển khai thí điểm hệ thống IoT, camera giám sát và cảm biến quan trắc môi trường tại các vùng nuôi trọng điểm; giai đoạn 2028-2030 đánh giá, hoàn thiện và nhân rộng. Phấn đấu đến năm 2030 có từ 40-60% số lồng nuôi mới tích hợp thiết bị giám sát tự động.

- Nâng cao năng lực sản xuất, ương dưỡng và cung ứng giống thủy sản chất lượng phục vụ nuôi thương phẩm, trong đó sản xuất giống cá rô phi, điều hồng hàng hóa đạt 70 triệu con/năm để cung ứng cho các vùng nuôi lồng bè và dự án trọng điểm nâng cấp Trạm Thực nghiệm nuôi trồng thủy sản (xã Phù Mỹ Bắc) với quy mô sản xuất khoảng 4,6 triệu con giống/năm chất lượng cao phục vụ nhu cầu trong tỉnh.

3. Tổ chức sản xuất, quản lý môi trường và bảo vệ nguồn lợi thủy sản

- Tăng cường quản lý hoạt động nuôi trồng thủy sản trên hồ chứa; thực hiện cấp phép, đăng ký nuôi lồng bè, cấp mã số cơ sở nuôi theo quy định; tổ chức bố trí vùng nuôi phù hợp với sức tải môi trường và bảo đảm an toàn công trình.

- Từng bước đánh giá sức tải môi trường đối với các hồ chứa trọng điểm làm cơ sở xác định quy mô nuôi phù hợp, hạn chế nguy cơ ô nhiễm môi trường và suy giảm chất lượng nguồn nước.

- Tăng cường quan trắc, cảnh báo môi trường, chủ động phòng chống dịch bệnh, ứng phó với thiên tai và biến đổi khí hậu; thực hiện bảo vệ, tái tạo nguồn lợi thủy sản gắn với khai thác hợp lý tiềm năng mặt nước hồ chứa.

4. Thực hiện cơ chế, chính sách và phát triển thị trường

- Tổ chức triển khai hiệu quả các cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển thủy sản của Trung ương và của tỉnh, đặc biệt là chính sách hỗ trợ phát triển nuôi trồng thủy sản ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2026-2030 sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt; huy động các nguồn lực hợp pháp, tạo điều kiện thuận lợi thu hút doanh nghiệp, hợp tác xã và các thành phần kinh tế đầu tư phát triển nuôi trồng thủy sản hồ chứa.

- Khuyến khích phát triển các hợp tác xã, tổ hợp tác, chuỗi liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm; xây dựng thương hiệu thủy sản nước ngọt của tỉnh, phát triển các sản phẩm OCOP từ thủy sản hồ chứa, nâng cao giá trị gia tăng và khả năng cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường; từng bước gắn phát triển nuôi trồng thủy sản với du lịch sinh thái và dịch vụ trải nghiệm tại các hồ chứa có tiềm năng.

5. Phát triển nguồn nhân lực và tổ chức thực hiện các chương trình, dự án ưu tiên

- Tổ chức đào tạo, tập huấn, chuyển giao tiến bộ khoa học, kỹ thuật trong nuôi trồng thủy sản, chú trọng kỹ thuật nuôi ứng dụng công nghệ cao, vận hành hệ thống quan trắc môi trường, thiết bị tự động hóa, công nghệ IoT, AI và các mô hình nuôi thủy sản đặc sản; nâng cao năng lực quản lý nhà nước, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ thực hiện công tác thủy sản và các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động nuôi trồng thủy sản.

- Ưu tiên triển khai các chương trình, dự án về phát triển vùng nuôi, đánh giá sức tải môi trường hồ chứa, ứng dụng công nghệ cao, phát triển giống thủy sản và xây dựng chuỗi liên kết tiêu thụ sản phẩm.

- Lồng ghép các nguồn vốn hợp pháp nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư, góp phần thực hiện mục tiêu phát triển bền vững ngành nuôi trồng thủy sản hồ chứa của tỉnh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Các Phụ lục cụ thể kèm theo:

- Phụ lục I. Định hướng phát triển nuôi trồng thủy sản trên các hồ chứa đến năm 2030.

- Phụ lục II. Quy mô bố trí và quản lý hoạt động nuôi trồng thủy sản trên các hồ chứa đến năm 2030.

- Phụ lục III. Kế hoạch thực hiện các chỉ tiêu phát triển nuôi trồng thủy sản lồng bè trên hồ chứa giai đoạn 2026-2030.

- Phụ lục IV. Danh mục các chương trình, dự án ưu tiên thực hiện giai đoạn 2026-2030.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Căn cứ nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch này, hằng năm các cơ quan, đơn vị, địa phương lập dự toán nhu cầu kinh phí trong dự toán chung của đơn vị hoặc kinh phí thực hiện chương trình, dự án riêng, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan và UBND các xã, phường có hồ chứa tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch; đôn đốc, kiểm tra, giám sát tiến độ và tình hình thực hiện các nhiệm vụ.

- Kịp thời tham mưu UBND tỉnh điều chỉnh, bổ sung các nội dung của Kế hoạch phù hợp với tình hình thực tế và định hướng phát triển thủy sản của tỉnh.

- Tổ chức quản lý hoạt động nuôi trồng thủy sản hồ chứa; hướng dẫn cấp giấy xác nhận đăng ký nuôi lồng bè, cấp mã số cơ sở nuôi; tham mưu giao, cho thuê

khu vực mặt nước phục vụ nuôi trồng thủy sản theo quy định.

- Tổ chức quan trắc, cảnh báo môi trường vùng nuôi; hướng dẫn phòng chống dịch bệnh, bảo vệ môi trường và phát triển nguồn lợi thủy sản.
- Tổ chức đào tạo, tập huấn, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật cho người nuôi và các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động nuôi trồng thủy sản.

2. Sở Công Thương

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành và địa phương triển khai các hoạt động xúc tiến thương mại, kết nối cung cầu, phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm thủy sản hồ chứa.
- Hỗ trợ xây dựng, quảng bá thương hiệu và phát triển các sản phẩm thủy sản đặc trưng của tỉnh.

3. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Phối hợp phát triển du lịch sinh thái gắn với nuôi trồng thủy sản tại các hồ chứa có tiềm năng; tăng cường quảng bá hình ảnh thủy sản gắn với du lịch địa phương.

4. Sở Khoa học và Công nghệ

Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, các sở, ngành, địa phương và đơn vị liên quan tham mưu, đề xuất, đặt hàng các nhiệm vụ khoa học và công nghệ phục vụ phát triển nuôi trồng thủy sản hồ chứa; ưu tiên các nhiệm vụ ứng dụng công nghệ cao, chuyển đổi số, truy xuất nguồn gốc, bảo hộ và phát triển tài sản trí tuệ, thương hiệu sản phẩm thủy sản hồ chứa của tỉnh; theo dõi, đánh giá việc thực hiện các chỉ tiêu ứng dụng công nghệ số trong nuôi trồng thủy sản.

5. Sở Tài chính

- Hằng năm, trên cơ sở dự toán do các cơ quan, đơn vị, địa phương xây dựng, căn cứ khả năng cân đối ngân sách, tổng hợp, tham mưu cấp có thẩm quyền xem xét, bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch theo quy định.
- Hướng dẫn quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí thực hiện Kế hoạch theo quy định của pháp luật.

6. Các sở, ngành liên quan

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường và UBND các địa phương triển khai thực hiện Kế hoạch, bảo đảm sự phối hợp đồng bộ và hiệu quả.

7. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động hội viên, đoàn viên và Nhân dân tham gia phát triển nuôi trồng thủy sản hồ chứa theo hướng bền vững, gắn với bảo vệ môi trường và phát triển nguồn lợi thủy sản.

8. Báo và Phát thanh, Truyền hình Gia Lai

Tăng cường thông tin, tuyên truyền về các chủ trương, chính sách, mô hình nuôi trồng thủy sản hiệu quả, ứng dụng công nghệ cao và phát triển bền vững trên

hồ chứa.

9. UBND các xã, phường có hồ chứa

- Xây dựng kế hoạch cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.
- Tổ chức quản lý hoạt động nuôi trồng thủy sản trên địa bàn; phối hợp thực hiện công tác bảo vệ môi trường, phòng chống dịch bệnh và bảo đảm an toàn công trình hồ chứa.
- Tuyên truyền, vận động các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp và hợp tác xã tham gia phát triển nuôi trồng thủy sản theo hướng bền vững.
- Lồng ghép các mục tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; huy động các nguồn lực hợp pháp để tổ chức thực hiện.

10. Các tổ chức, cá nhân tham gia nuôi trồng thủy sản

- Tuân thủ các quy định của pháp luật; thực hiện đúng khu vực, quy mô nuôi được cấp có thẩm quyền cho phép.
- Chủ động áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, bảo vệ môi trường, phòng chống dịch bệnh và liên kết tiêu thụ sản phẩm nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất.

VI. CHẾ ĐỘ THÔNG TIN, BÁO CÁO

- Các sở, ngành, địa phương và đơn vị liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch; Báo cáo kết quả thực hiện định kỳ theo quý, 6 tháng và năm hoặc đột xuất về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.
- Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc vượt thẩm quyền, các cơ quan, đơn vị, địa phương kịp thời báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Nông nghiệp và Môi trường) để xem xét, chỉ đạo./.

PHỤ LỤC I
ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NUÔI LỒNG BÈ TRÊN CÁC HỒ CHỨA ĐẾN NĂM 2030
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai)

1. Nhóm hồ ưu tiên phát triển nuôi lồng bè quy mô lớn theo hướng sản xuất hàng hóa, ứng dụng công nghệ cao, gắn với du lịch sinh thái

STT	Tên hồ	Địa phương	Loại hồ	Đối tượng nuôi chủ yếu
1	Định Bình	Xã Vĩnh Thạnh	Hồ thủy lợi	Cá điêu hồng, cá rô phi đơn tính, cá lăng nha, cá thát lát và một số loài thủy sản đặc sản có giá trị kinh tế
2	Đông Mít	Xã An Vinh	Hồ thủy lợi	Cá điêu hồng, cá rô phi đơn tính, cá lăng nha, cá thát lát và một số loài thủy sản đặc sản có giá trị kinh tế
3	Núi Một	Xã An Nhơn Tây	Hồ thủy lợi	Cá điêu hồng, cá rô phi đơn tính, cá lăng nha, cá thát lát và một số loài thủy sản đặc sản có giá trị kinh tế
4	An Khê	Xã Cửu An	Hồ thủy điện	Cá điêu hồng, cá rô phi đơn tính, cá lăng nha, cá thát lát và một số loài thủy sản đặc sản có giá trị kinh tế
5	Ia Ly	Xã Ia Ly	Hồ thủy điện	Cá điêu hồng, cá rô phi đơn tính, cá lăng nha, cá thát lát và một số loài thủy sản đặc sản có giá trị kinh tế
6	Sê San 4	Xã Ia O	Hồ thủy điện	Cá điêu hồng, cá rô phi đơn tính, cá lăng nha, cá thát lát và một số loài thủy sản đặc sản có giá trị kinh tế

Định hướng: Ưu tiên phát triển nuôi lồng bè quy mô lớn theo hướng sản xuất hàng hóa, ứng dụng công nghệ cao; khuyến khích kết hợp với du lịch sinh thái, dịch vụ trải nghiệm và tiêu thụ sản phẩm tại chỗ.

2. Nhóm hồ ưu tiên phát triển nuôi lồng bè tập trung theo hướng sản xuất hàng hóa

STT	Tên hồ	Địa phương	Loại hồ	Đối tượng nuôi chủ yếu
1	Hội Sơn	Xã Hội Sơn	Hồ thủy lợi	Cá điêu hồng, cá rô phi đơn tính và các loài thủy sản nước ngọt có giá trị kinh tế phù hợp
2	Mỹ Thuận	Xã Ngô Mỹ	Hồ thủy lợi	Cá điêu hồng, cá rô phi đơn tính và các loài thủy sản nước ngọt có giá trị kinh tế phù hợp

STT	Tên hồ	Địa phương	Loại hồ	Đối tượng nuôi chủ yếu
3	Suối Tre	Xã Hội Sơn	Hồ thủy lợi	Cá điêu hồng, cá rô phi đơn tính và các loài thủy sản nước ngọt có giá trị kinh tế phù hợp
4	Đak Đoa	Xã Kon Gang	Hồ thủy điện	Cá điêu hồng, cá rô phi đơn tính và các loài thủy sản nước ngọt có giá trị kinh tế phù hợp
5	Ia Grai 1	Xã Ia Grai	Hồ thủy điện	Cá điêu hồng, cá rô phi đơn tính và các loài thủy sản nước ngọt có giá trị kinh tế phù hợp

Định hướng: Phát triển nuôi lồng bè tập trung theo hướng sản xuất hàng hóa; từng bước ứng dụng công nghệ cao phù hợp với điều kiện thực tế.

3. Nhóm hồ ưu tiên phát triển nuôi thủy sản nước lạnh ứng dụng công nghệ cao

STT	Tên hồ	Địa phương	Loại hồ	Đối tượng nuôi chủ yếu
1	Vĩnh Sơn A	Xã Vĩnh Sơn	Hồ thủy điện	Cá tầm, cá hồi và các đối tượng thủy sản nước lạnh phù hợp
2	Vĩnh Sơn B	Xã Sơn Lang	Hồ thủy điện	Cá tầm, cá hồi và các đối tượng thủy sản nước lạnh phù hợp
3	Vĩnh Sơn C	Xã Đak Rong	Hồ thủy điện	Cá tầm, cá hồi và các đối tượng thủy sản nước lạnh phù hợp

Định hướng: Phát triển nuôi thủy sản nước lạnh ứng dụng công nghệ cao, khai thác lợi thế khí hậu và điều kiện sinh thái đặc thù.

4. Nhóm hồ ưu tiên phát triển nuôi quảng canh, quảng canh cải tiến và nuôi lồng bè phù hợp

STT	Tên hồ	Địa phương	Loại hồ	Đối tượng nuôi chủ yếu
1	Ayun Hạ	Các xã: Chư A Thai, Al Bá, Ia Hrú	Hồ thủy lợi	Cá trắm cỏ, cá trôi, cá mè, cá chép và một số loài thủy sản bản địa
2	Đăk Srông 2	Xã Kông Chro	Hồ thủy điện	Cá trắm cỏ, cá trôi, cá mè, cá chép và một số loài thủy sản bản địa
3	Đăk Srông 3A	Xã Uar	Hồ thủy điện	Cá trắm cỏ, cá trôi, cá mè, cá chép và một số loài thủy sản bản địa

STT	Tên hồ	Địa phương	Loại hồ	Đối tượng nuôi chủ yếu
4	Hà Tây	Xã Ia Khuol	Hồ thủy điện	Cá trắm cỏ, cá trôi, cá mè, cá chép và một số loài thủy sản bản địa
5	Đội 9	Xã Ia Phí	Hồ thủy lợi	Cá trắm cỏ, cá trôi, cá mè, cá chép và một số loài thủy sản bản địa
6	Ia Mlah	Xã Phú Túc	Hồ thủy lợi	Cá trắm cỏ, cá trôi, cá mè, cá chép và một số loài thủy sản bản địa
7	Ia Mor	Xã Ia Mơ	Hồ thủy lợi	Cá trắm cỏ, cá trôi, cá mè, cá chép và một số loài thủy sản bản địa
8	Ia Năng	Xã Ia Grai	Hồ thủy lợi	Cá trắm cỏ, cá trôi, cá mè, cá chép và một số loài thủy sản bản địa
9	Ka Nak	Xã Kbang	Hồ thủy điện	Cá trắm cỏ, cá trôi, cá mè, cá chép và một số loài thủy sản bản địa
10	Phú Cần	Xã Phú Túc	Hồ thủy lợi	Cá trắm cỏ, cá trôi, cá mè, cá chép và một số loài thủy sản bản địa
11	Plei Pai	Xã Ia Lâu	Hồ thủy lợi	Cá trắm cỏ, cá trôi, cá mè, cá chép và một số loài thủy sản bản địa
12	Plei Thơ Ga	Xã Chư Puh	Hồ thủy lợi	Cá trắm cỏ, cá trôi, cá mè, cá chép và một số loài thủy sản bản địa

Định hướng: Phát triển nuôi quảng canh, quảng canh cải tiến theo hướng bền vững; căn cứ điều kiện thực tế, sức tải môi trường và hiệu quả kinh tế để xem xét phát triển nuôi lồng bè phù hợp.

5. Nhóm hồ phát triển nuôi quảng canh, quảng canh cải tiến gắn với bảo vệ và tái tạo nguồn lợi thủy sản

Gồm các hồ: An Đỗ, An Đôn, An Tường, Bàu Dồn, Bờ Sề, Buôn Lưới, Cẩn Hậu, Cây Da, Cây Khế, Cây Sung, Cây Thích, Chánh Hùng, Chánh Thuận (đập Thiết Đính), Cửa Khâu, Cự Lễ, Đại Sơn, Đắk Sơ Mei, Diêm Tiêu, Đá Bàn, Đập Ký, Đội 10, Đồng Tranh, Giao Hội, Hà Nhe, Hòa Nghĩa (Đập Phố), Hoàng Ân, Hóc Cau (Phường Bồng Sơn), Hóc Cau, Hồ C5, Hồ Đội 7, Hồ Giang, Hồ Xoài, Hòn Lập, Hội Khánh, Ia Thông, Ia Hrug (hồ thủy điện), Ia Hrug (hồ thủy lợi), Lòng Bong, Ông Lành, Ông Trĩ, Phú Thuận (Hóc Sáu), Plei Tơ Kon, Quang Hiến, Suối Chay, Suối Đuốc, Suối Mới, Tam Sơn, Tàu Dầu 2, Tây Dâu, Thạch Khê, Thiết Đính, Thuận Ninh, Trung Sơn, Tường Sơn, Vạn Định,... Đối tượng nuôi chủ yếu: Cá trắm cỏ,

cá trôi, cá mè, cá chép và một số loài thủy sản nước ngọt truyền thống, thủy sản bản địa phù hợp với điều kiện từng hồ chứa.

Định hướng: Phát triển nuôi quảng canh, quảng canh cải tiến gắn với bảo vệ và tái tạo nguồn lợi thủy sản; khai thác hợp lý tiềm năng mặt nước, phù hợp với điều kiện sinh thái, chức năng công trình và hiệu quả kinh tế của từng hồ chứa.

PHỤ LỤC II
QUY MÔ BỐ TRÍ VÀ QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG NUÔI TRỒNG THỦY SẢN TRÊN CÁC HỒ CHỨA ĐẾN NĂM 2030
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai)

STT	Tên hồ	Loại hồ	Định hướng vùng nuôi quảng canh, quảng canh cải tiến (ha)	Định hướng vùng nuôi lồng bè (ha)
1	An Đỗ	Hồ thủy lợi	1	0,01
2	An Đôn	Hồ thủy lợi	1	0,01
3	An Khê	Hồ thủy điện	1.360	17
4	An Tường	Hồ thủy lợi	12	0,08
5	Ayun Hạ	Hồ thủy lợi	2.960	18,5
6	Bàu Dồn	Hồ thủy lợi	8	0,05
7	Bờ Sề	Hồ thủy lợi	8	0,05
8	Buôn Lưới	Hồ thủy lợi	21	0,13
9	Cần Hậu	Hồ thủy lợi	37	0,23
10	Cây Da	Hồ thủy lợi	19	0,12
11	Cây Khế	Hồ thủy lợi	32	0,2
12	Cây Sung	Hồ thủy lợi	22	0,14
13	Cây Thích	Hồ thủy lợi	12	0,08
14	Cự Lễ	Hồ thủy lợi	30	0,19
15	Cửa Khâu	Hồ thủy lợi	14	0,09
16	Chánh Hùng	Hồ thủy lợi	30	0,19

STT	Tên hồ	Loại hồ	Định hướng vùng nuôi quảng canh, quảng canh cải tiến (ha)	Định hướng vùng nuôi lồng bè (ha)
17	Chánh Thuận (đập Thiết Đính)	Hồ thủy lợi	22	0,14
18	Chư Prông	Hồ thủy lợi	48	0,3
19	Diêm Tiêu	Hồ thủy lợi	90	0,56
20	Đá Bàn	Hồ thủy lợi	10	0,06
21	Đại Sơn	Hồ thủy lợi	53	0,33
22	Đak Đoa	Hồ thủy điện	182	1,14
23	Đăk Sơ Mei	Hồ thủy lợi	66	0,42
24	Đăk Srông 2	Hồ thủy điện	2.146	13,41
25	Đăk Srông 3A	Hồ thủy điện	107	0,67
26	Đập Ký	Hồ thủy lợi	13	0,08
27	Định Bình	Hồ thủy lợi	1.033	12,91
28	Đội 10	Hồ thủy lợi	5	0,03
29	Đồng Mít	Hồ thủy lợi	362	2,49
30	Đồng Tranh	Hồ thủy lợi	32	0,2
31	Giao Hội	Hồ thủy lợi	11	0,07
32	Hà Nhe	Hồ thủy lợi	35	0,22
33	Hà Tây	Hồ thủy điện	540	3,38
34	Hoà Nghĩa (Đập Phố)	Hồ thủy lợi	13	0,08
35	Hoàng Ân	Hồ thủy lợi	89	0,56

STT	Tên hồ	Loại hồ	Định hướng vùng nuôi quảng canh, quảng canh cải tiến (ha)	Định hướng vùng nuôi lồng bè (ha)
36	Hóc Cau (Phường Bồng Sơn)	Hồ thủy lợi	9	0,06
37	Hóc Cau	Hồ thủy lợi	12	0,08
38	Hòn Lập	Hồ thủy lợi	39	0,25
39	Hồ C5	Hồ thủy lợi	12	0,08
40	Hồ đội 7	Hồ thủy lợi	9	0,06
41	Hồ đội 9	Hồ thủy lợi	8	0,05
42	Hố Giang	Hồ thủy lợi	21	0,13
43	Hồ Ia Thông	Hồ thủy lợi	8	0,05
44	Hố Xoài	Hồ thủy lợi	11	0,07
45	Hội Khánh	Hồ thủy lợi	78	0,49
46	Hội Sơn	Hồ thủy lợi	392	2,7
47	Ia Dreh	Hồ thủy lợi	88	0,55
48	Ia Glai	Hồ thủy lợi	32	0,2
49	Ia Grai 1	Hồ thủy điện	262	1,8
50	Ia Hrug	Hồ thủy điện	9	0,06
51	Ia Ly	Hồ thủy điện	1.600	11
52	Ia MLah	Hồ thủy lợi	323	2,02
53	Ia Năng	Hồ thủy lợi	4	0,03
54	Ia Ring	Hồ thủy lợi	89	0,56
55	Ia Rtô	Hồ thủy lợi	35	0,21
56	Ka Nak	Hồ thủy điện	272	1,7

STT	Tên hồ	Loại hồ	Định hướng vùng nuôi quảng canh, quảng canh cải tiến (ha)	Định hướng vùng nuôi lồng bè (ha)
57	Ia Hrug	Hồ thủy lợi	32	0,2
58	Ia Mơ	Hồ thủy lợi	2.008	12,55
59	Lòng Bong	Hồ thủy lợi	6	0,04
60	Mỹ Thuận	Hồ thủy lợi	78	0,98
61	Núi Một	Hồ thủy lợi	404	2,77
62	Ông Lành	Hồ thủy lợi	32	0,2
63	Ông Trĩ	Hồ thủy lợi	5	0,03
64	Plei Pai	Hồ thủy lợi	484	3,02
65	Plei Tơ Kon	Hồ thủy lợi	26	0,16
66	Plei Thơ Ga	Hồ thủy lợi	82	0,51
67	Phú Càn	Hồ thủy lợi	33	0,21
68	Phú Thuận (Hóc Sáu)	Hồ thủy lợi	14	0,09
69	Quang Hiến	Hồ thủy lợi	45	0,28
70	Sê San 4	Hồ thủy điện	2.337	16,07
71	Suối Chay	Hồ thủy lợi	37	0,23
72	Suối Đuốc	Hồ thủy lợi	16	0,1
73	Suối Mới	Hồ thủy lợi	12	0,08
74	Suối Tre	Hồ thủy lợi	58	0,73
75	Tam Sơn	Hồ thủy lợi	24	0,15
76	Tân Thắng	Hồ thủy lợi	15	0,09
77	Tân Sơn	Hồ thủy lợi	33	0,21

STT	Tên hồ	Loại hồ	Định hướng vùng nuôi quảng canh, quảng canh cải tiến (ha)	Định hướng vùng nuôi lồng bè (ha)
78	Tàu Dầu 2	Hồ thủy lợi	39	0,25
79	Tây Dầu	Hồ thủy lợi	24	0,15
80	Tường Sơn	Hồ thủy lợi	36	0,23
81	Thạch Khê	Hồ thủy lợi	6	0,04
82	Thiết Đính	Hồ thủy lợi	16	0,1
83	Thuận Ninh	Hồ thủy lợi	397	2,48
84	Trung Sơn	Hồ thủy lợi	20	0,13
85	Vạn Định	Hồ thủy lợi	50	0,31
86	Vĩnh Sơn A	Hồ thủy điện	240	3
87	Vĩnh Sơn B	Hồ thủy điện	661	4,13
88	Vĩnh Sơn C	Hồ thủy điện	353	4,41
TỔNG CỘNG			20.360	150

(Danh mục các hồ chứa nêu trên mang tính định hướng. Căn cứ điều kiện thực tế, tiềm năng mặt nước, sức tải môi trường và nhu cầu phát triển, các hồ chứa khác trên địa bàn tỉnh có thể được xem xét bổ sung để phát triển nuôi trồng thủy sản phù hợp theo quy định. Đối với các hồ chứa liên tỉnh, quy mô và diện tích bố trí nuôi trồng thủy sản được xác định theo phần diện tích mặt nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Gia Lai hoặc theo kết quả xác định của cơ quan có thẩm quyền).

PHỤ LỤC III
KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN NUÔI TRỒNG THỦY SẢN LỒNG BÈ TRÊN HỒ CHỨA
GIẢI ĐOẠN 2026-2030

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	2026	2027	2028	2029	2030
I	CHỈ TIÊU VỀ QUY MÔ						
1	Vùng quy hoạch nuôi lồng bè	ha	50	70	90	120	150
2	Tổng số lồng nuôi cá hồ chứa	lồng	1.400	1.800	2.400	3.000	3.800
3	Tổng thể tích lồng nuôi	m ³	180.000	240.000	300.000	400.000	500.000
4	Diện tích nuôi quảng canh	ha	4.300	4.400	4.500	4.900	5.500
II	CHỈ TIÊU VỀ SẢN LƯỢNG						
1	Sản lượng nuôi lồng bè	tấn	4.800	6.000	8.600	12.000	16.000
2	Sản lượng nuôi quảng canh	tấn	1.200	1.240	1.280	1.400	1.600

PHỤ LỤC IV
DANH MỤC CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN ƯU TIÊN THỰC HIỆN GIAI ĐOẠN 2026-2030
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai)

STT	Tên chương trình, dự án	Địa điểm thực hiện	Quy mô	Thời gian thực hiện	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Tổng nhu cầu vốn (tỷ đồng)	Vốn NSTW	Vốn NSDP	Vốn huy động các thành phần kinh tế
1	Dự án Nghi Sơn Gia Lai (Xây dựng chuỗi nuôi – Thức ăn thủy sản – Chế biến, xuất khẩu cá Catfish & cá rô phi)	Hồ Sê San 4 (xã Ia O), hồ Định Bình (xã Vĩnh Thạnh), hồ An Khê (xã Cửu An)	1.000 ha	2027	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ngành; UBND các xã, tổ chức, cá nhân liên quan và Công ty Cổ phần Tập đoàn Thực phẩm Nghi Sơn	781,53	0	0	781,53
2	Nuôi lồng bè kết hợp quảng canh tại hồ Ia Mơ	Hồ Ia Mơ (xã Ia Mơ)	02 ha (lồng bè) 2.000 ha (quảng canh)	2026-2030	Công ty TNHH Đông Bình Gia Lai	Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND xã Ia Mơ, Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Gia Lai và các tổ chức,	25	0	0	25

STT	Tên chương trình, dự án	Địa điểm thực hiện	Quy mô	Thời gian thực hiện	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Tổng nhu cầu vốn (tỷ đồng)	Vốn NSTW	Vốn NSDP	Vốn huy động các thành phần kinh tế
						cá nhân có liên quan				
3	Nuôi lồng bè kết hợp quảng canh hồ Ayun Hạ	Hồ Ayun Hạ (các xã: Chư A Thai, Al Bá, Ia Hnú)	02 ha (lồng bè) 2.400 ha (quảng canh)	2026-2030	Hợp tác xã Hợp Nhất	Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND các xã: Chư A Thai, Al Bá, Ia Hnú, Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Gia Lai và các tổ chức, cá nhân có liên quan	25,55	0	0	25,55
4	Dự án nuôi cá nước ngọt trên hồ chứa tại khu vực phía Tây Gia Lai	Các hồ: Ia Ly (xã Ia Ly), Ka Nak (xã Kbang)	1.000 ha	2027-2030	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ngành; UBND các xã: Ia Ly, Kbang; các tổ chức, cá nhân liên quan	150	0	0	150

STT	Tên chương trình, dự án	Địa điểm thực hiện	Quy mô	Thời gian thực hiện	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Tổng nhu cầu vốn (tỷ đồng)	Vốn NSTW	Vốn NSDP	Vốn huy động các thành phần kinh tế
5	Dự án phát triển nuôi thủy sản nước lạnh ứng dụng công nghệ cao	Hồ Vĩnh Sơn A (xã Vĩnh Sơn), Vĩnh Sơn B (xã Sơn Lang), Vĩnh Sơn C (xã Đak Rong)	400 lồng	2026-2030	Chủ đầu tư (Doanh nghiệp, HTX,...)	Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Tài chính; Sở Công Thương; UBND các xã Vĩnh Sơn, Sơn Lang, Đak Rong; đơn vị quản lý hồ và các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân có liên quan	Theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt	0	0	Theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt
6	Đề án Mô hình liên kết đầu tư nuôi cá lồng bè kết hợp phát triển du lịch sinh thái hồ Đồng Mít giai đoạn 2026–2030	Hồ Đồng Mít (xã An Vinh)	03 ha	2026-2030	Sở Nông nghiệp và Môi trường	UBND xã An Vinh; doanh nghiệp	11,87	0	1,8	10,07
7	Chương trình thả giống tái tạo nguồn lợi	Các hồ chứa phù hợp trên toàn tỉnh	01 lần/năm	Hàng năm	Sở Nông nghiệp và Môi trường	UBND xã, phường, tổ chức, cá nhân có liên quan	Theo dự toán hằng năm và nguồn huy động hợp pháp khác	0	Theo dự toán hằng năm	Huy động nguồn hợp pháp khác.

STT	Tên chương trình, dự án	Địa điểm thực hiện	Quy mô	Thời gian thực hiện	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Tổng nhu cầu vốn (tỷ đồng)	Vốn NSTW	Vốn NSDP	Vốn huy động các thành phần kinh tế
8	Chương trình quan trắc môi trường, cảnh báo dịch bệnh phục vụ nuôi trồng thủy sản hồ chứa	Các vùng nuôi trọng điểm	Quan trắc định kỳ, xây dựng cơ sở dữ liệu môi trường	Hàng năm	Sở Nông nghiệp và Môi trường	UBND xã, phường, tổ chức, cá nhân có liên quan	Thực hiện theo kế hoạch hàng năm	0	Thực hiện theo kế hoạch hàng năm	0
9	Nâng cấp Trạm Thực nghiệm nuôi trồng thủy sản Phù Mỹ Bắc	Xã Phù Mỹ Bắc	4,6 triệu con giống/năm	2026-2028	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Tài chính; Trung tâm Giống nông nghiệp tỉnh Gia Lai; tổ chức, cá nhân có liên quan	Theo dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt	0	Theo dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt	0
	TỔNG						993,95	0	1,8	992,15

Ngoài các chương trình, dự án ưu tiên nêu tại Phụ lục này, căn cứ điều kiện thực tế, khả năng cân đối nguồn lực và Danh mục các chương trình, dự án ưu tiên thực hiện giai đoạn 2026-2030 thuộc Đề án phát triển nuôi trồng thủy sản hồ chứa giai đoạn 2026-2030 ban hành kèm theo Quyết định số 707/QĐ-BNNMT ngày 02/3/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có), các cơ quan, đơn vị, địa phương chủ động đề xuất, tổ chức thực hiện các chương trình, dự án phù hợp theo quy định.